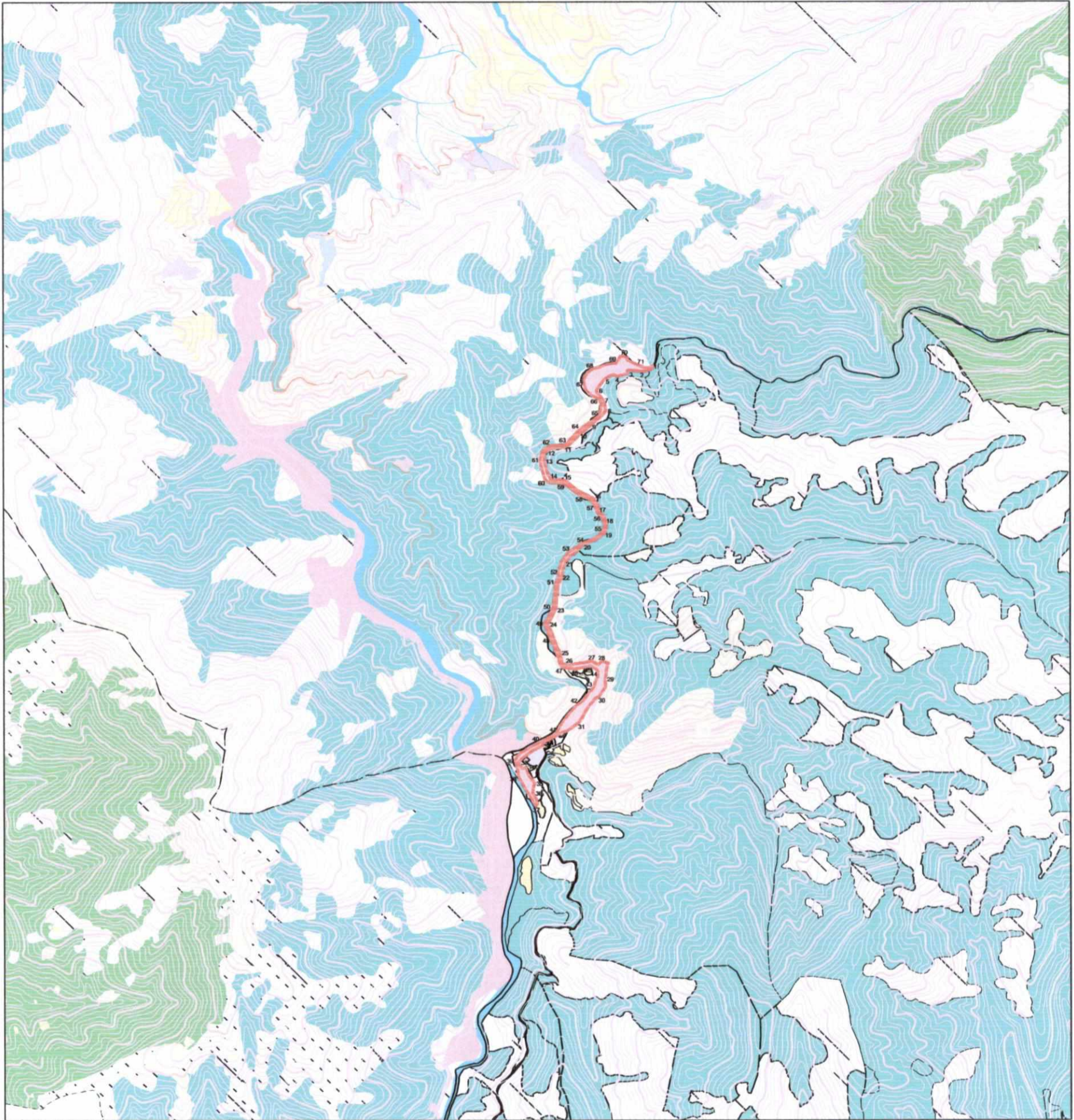


TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN (ĐIỀU CHỈNH)

Công trình: Thủy điện Nậm Cúm

Địa Điểm: Xã Bum Nưa, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè



Ghi chú: Ranh giới khu đất; Tổng diện tích khu đất: 11.15 ha

STT	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)	STT	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)	STT	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)	STT	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)	STT	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)	STT	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)	STT	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)						
1	484983.91	2481870.99	9	484635.37	2481553.85	17	484666.15	2481066.36	25	484448.18	2480263.25	33	484213.54	2479651.12	41	484333.32	2479818.62	49	484365.09	2480434.58	57	484653.82	2481091.57	65	484671.99	2481603.88
2	484919.17	2481853.25	10	484570.15	2481503.28	18	484707.6	2481009.2	26	484488.29	2480194.24	34	484254.22	2479621.4	42	484553.44	2479980.99	50	484414.45	2480524.27	58	484575.18	2481151.17	66	484672.92	2481608.06
3	484836.87	2481858.07	11	484487.83	2481429.43	19	484700.09	2480941.28	27	484623.83	2480199.99	35	484302.63	2479533.61	43	484642.1	2480007.53	51	484532.47	2480667.82	59	484473.59	2481222.15	67	484592.17	2481730.41
4	484777.98	2481825.25	12	484393.21	2481414.71	20	484576.74	2480877.47	28	484681.61	2480220.23	36	484291.72	2479429.32	44	484667.29	2480163.8	52	484444.75	2480723.75	60	484375.57	2481217.81	68	484631.92	2481865.92
5	484706.83	2481809.65	13	484368.58	2481347.28	21	484478.17	2480775.25	29	484700.42	2480120.18	37	484318.1	2479416.08	45	484628.03	2480194.75	53	484506.34	2480838.57	61	484344.04	2481355.45	69	484768.68	2481808.47
6	484661.29	2481741.71	14	484397.74	2481245.95	22	484461.06	2480692.56	30	484665.33	2480020.44	38	484216.6	2479560.63	46	484536.08	2480177.5	54	484579.65	2480889.44	62	484390.08	2481430.1	70	484816.27	2481939.52
7	484702.7	2481686.16	15	484483.39	2481235.99	23	484424.08	2480514.44	31	484551.68	2479875.36	39	484195.01	2479660.96	47	484666.69	2480187.11	55	484699.08	2480958.7	63	484480.67	2481439.56	71	484906.03	2481882.23
8	484714.02	2481633.91	16	484534.9	2481138.74	24	484378.59	2480428.9	32	484349.93	2479762.1	40	484328.97	2479760.93	48	484404.9	2480337.44	56	484689.83	2481029.75	64	484563.51	2481532.62			

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)



Lương Văn Nghi

Hệ tọa độ VN-2000